

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc

- Phạm vi cung cấp thuốc căn cứ Mẫu số 00 Chương IV (webform trên Hệ thống)
- Các phần của gói thầu chỉ chào thuốc sản xuất trong nước:

Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
27	Betahistin (dưới dạng Betahistin dihydrochlorid)	16mg	Viên	Viên
121	Lamotrigine	50mg	Viên	Viên
122	Levetiracetam	500mg	Viên	Viên
149	Mirtazapin	30mg	Viên	Viên
185	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên	Viên
208	Quetiapin	100mg	Viên	Viên
210	Quetiapin	200mg	Viên	Viên

Đối với thuốc được Bộ Y tế công bố có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp: Nhà thầu chỉ chào thầu thuốc xuất xứ trong nước.

- Phạm vi cung cấp chi tiết, như sau:

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
1	PP2600067558	Viên	67.500	57.500	10.000
2	PP2600067559	Viên	13.800	13.800	0
3	PP2600067560	Viên	41.400	41.400	0
4	PP2600067561	Ống/Lọ	46.000	46.000	0
5	PP2600067562	Tuýp	345	345	0
6	PP2600067563	Viên	6.300	2.300	4.000
7	PP2600067564	Viên	18.400	18.400	0
8	PP2600067565	Viên	5.600	4.600	1.000
9	PP2600067566	Tuýp	5.600	4.600	1.000
10	PP2600067567	Viên	112.500	80.500	32.000
11	PP2600067568	Viên	207.000	207.000	0
12	PP2600067569	Gói	690	690	0
13	PP2600067570	Viên	1.150	1.150	0
14	PP2600067571	Viên	175.000	115.000	60.000
15	PP2600067572	Viên	115.000	115.000	0
16	PP2600067573	Viên	575.000	575.000	0
17	PP2600067574	Viên	58.500	34.500	24.000
18	PP2600067575	Viên	23.000	23.000	0
19	PP2600067576	Gói	1.150	1.150	0
20	PP2600067577	Viên	11.500	11.500	0
21	PP2600067578	Viên	2.300	2.300	0
22	PP2600067579	Viên	775.000	575.000	200.000
23	PP2600067580	Chai/Lọ/Ống	1.550	1.150	400
24	PP2600067581	Tuýp	560	460	100
25	PP2600067582	Viên	175.000	115.000	60.000
26	PP2600067583	Viên	175.000	115.000	60.000
27	PP2600067584	Viên	595.000	575.000	20.000
28	PP2600067585	Tuýp	6.600	4.600	2.000

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
29	PP2600067586	Gói	6.300	2.300	4.000
30	PP2600067587	Viên	60.000	46.000	14.000
31	PP2600067588	Viên	33.000	23.000	10.000
32	PP2600067589	Viên	11.500	11.500	0
33	PP2600067590	Viên	10.460	460	10.000
34	PP2600067591	Viên	1.720	920	800
35	PP2600067592	Tuýp	3.160	2.760	400
36	PP2600067593	Tuýp	2.300	2.300	0
37	PP2600067594	Lọ	1.150	1.150	0
38	PP2600067595	Tuýp	7.100	6.900	200
39	PP2600067596	Viên	15.500	11.500	4.000
40	PP2600067597	Viên	18.400	18.400	0
41	PP2600067598	Viên	89.000	69.000	20.000
42	PP2600067599	Viên	69.000	69.000	0
43	PP2600067600	Viên	15.660	9.660	6.000
44	PP2600067601	Gói	2.150	1.150	1.000
45	PP2600067602	Viên	2.300	2.300	0
46	PP2600067603	Gói	8.300	2.300	6.000
47	PP2600067604	Viên	40.700	20.700	20.000
48	PP2600067605	Viên	138.000	138.000	0
49	PP2600067606	Gói	8.600	4.600	4.000
50	PP2600067607	Viên	25.300	25.300	0
51	PP2600067608	Viên	35.500	11.500	24.000
52	PP2600067609	Viên	23.000	23.000	0
53	PP2600067610	Ống	111.500	11.500	100.000
54	PP2600067611	Viên	384.500	264.500	120.000
55	PP2600067612	Ống	215.000	115.000	100.000
56	PP2600067613	Viên	27.500	11.500	16.000
57	PP2600067614	Viên	23.000	23.000	0
58	PP2600067615	Viên	135.000	115.000	20.000
59	PP2600067616	Viên	73.000	69.000	4.000
60	PP2600067617	Tuýp	4.300	2.300	2.000
61	PP2600067618	Tuýp	8.000	4.600	3.400
62	PP2600067619	Viên	92.000	92.000	0
63	PP2600067620	Viên	92.000	92.000	0
64	PP2600067621	Viên	158.000	138.000	20.000
65	PP2600067622	Viên	146.000	138.000	8.000
66	PP2600067623	Viên	276.000	276.000	0
67	PP2600067624	Viên	11.500	11.500	0
68	PP2600067625	Ống	26.900	6.900	20.000
69	PP2600067626	Lọ/ống	1.150	1.150	0
70	PP2600067627	Lọ/Ống	69	69	0
71	PP2600067628	Viên	1.150	1.150	0
72	PP2600067629	Tuýp/Lọ	7.300	6.900	400
73	PP2600067630	Lọ/Ống	460	460	0
74	PP2600067631	Viên	2.150	1.150	1.000
75	PP2600067632	Viên	66.000	46.000	20.000
76	PP2600067633	Viên	23.000	23.000	0
77	PP2600067634	Viên	18.860	18.860	0
78	PP2600067635	Ống/Gói	21.500	11.500	10.000
79	PP2600067636	Viên	69.000	69.000	0
80	PP2600067637	Chai/Lọ/Ống/Túi	6.900	6.900	0

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
81	PP2600067638	Viên	2.150	1.150	1.000
82	PP2600067639	Viên	63.000	23.000	40.000
83	PP2600067640	Viên	43.000	23.000	20.000
84	PP2600067641	Viên	66.000	46.000	20.000
85	PP2600067642	Viên	6.900	6.900	0
86	PP2600067643	Viên	13.800	13.800	0
87	PP2600067644	Viên	89.000	69.000	20.000
88	PP2600067645	Viên	172.000	92.000	80.000
89	PP2600067646	Viên	161.000	161.000	0
90	PP2600067647	Chai/Lọ/Ống	2.300	2.300	0
91	PP2600067648	Chai/lọ	4.300	2.300	2.000
92	PP2600067649	Chai/Lọ/Ống	115	115	0
93	PP2600067650	Tuýp	3.900	2.300	1.600
94	PP2600067651	Tuýp	5.050	3.450	1.600
95	PP2600067652	Tuýp	9.450	3.450	6.000
96	PP2600067653	Tuýp	6.900	6.900	0
97	PP2600067654	Viên	12.900	6.900	6.000
98	PP2600067655	Viên	161.000	161.000	0
99	PP2600067656	Viên	66.000	46.000	20.000
100	PP2600067657	Viên	112.000	92.000	20.000
101	PP2600067658	Chai/Lọ/Ống	4.600	4.600	0
102	PP2600067659	Viên	92.000	92.000	0
103	PP2600067660	Viên	27.000	23.000	4.000
104	PP2600067661	Chai	46	46	0
105	PP2600067662	Viên	158.000	138.000	20.000
106	PP2600067663	Ống	2.300	2.300	0
107	PP2600067664	Viên	66.000	46.000	20.000
108	PP2600067665	Chai/Lọ/Ống	1.150	1.150	0
109	PP2600067666	Chai/Lọ/Ống	1.250	1.150	100
110	PP2600067667	Viên	6.900	6.900	0
111	PP2600067668	Viên	69.500	57.500	12.000
112	PP2600067669	Viên	4.300	2.300	2.000
113	PP2600067670	Viên	166.000	46.000	120.000
114	PP2600067671	Viên	155.000	115.000	40.000
115	PP2600067672	Viên	5.300	2.300	3.000
116	PP2600067673	Viên	31.900	29.900	2.000
117	PP2600067674	Chai/Lọ/Ống	7.900	6.900	1.000
118	PP2600067675	Ống/Gói	84.600	4.600	80.000
119	PP2600067676	Viên	460.000	460.000	0
120	PP2600067677	Tuýp	46.000	46.000	0
121	PP2600067678	Viên	4.300	2.300	2.000
122	PP2600067679	Viên	106.000	46.000	60.000
123	PP2600067680	Viên	376.000	276.000	100.000
124	PP2600067681	Viên	106.000	46.000	60.000
125	PP2600067682	Viên	224.000	184.000	40.000
126	PP2600067683	Viên	165.000	161.000	4.000
127	PP2600067684	Viên	23.000	23.000	0
128	PP2600067685	Chai/Lọ/Ống	22.100	16.100	6.000
129	PP2600067686	Chai/Lọ/Ống	460	460	0
130	PP2600067687	Chai/Lọ/Ống	1.350	1.150	200
131	PP2600067688	Viên	424.000	414.000	10.000
132	PP2600067689	Viên	115.000	115.000	0

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
133	PP2600067690	Viên	146.000	46.000	100.000
134	PP2600067691	Chai/Lọ/Ổng	11.500	11.500	0
135	PP2600067692	Chai/Lọ/Ổng	3.450	3.450	0
136	PP2600067693	Viên	198.000	138.000	60.000
137	PP2600067694	Viên	20.000	20.000	0
138	PP2600067695	Viên	2.300	2.300	0
139	PP2600067696	Viên	79.000	69.000	10.000
140	PP2600067697	Viên	138.000	138.000	0
141	PP2600067698	Viên	115.000	115.000	0
142	PP2600067699	Viên	6.900	6.900	0
143	PP2600067700	Chai/Lọ/Ổng	230	230	0
144	PP2600067701	Viên	69.000	69.000	0
145	PP2600067702	Ổng/Lọ	115	115	0
146	PP2600067703	Viên	49.200	9.200	40.000
147	PP2600067704	Viên	155.000	115.000	40.000
148	PP2600067705	Viên	92.000	92.000	0
149	PP2600067706	Viên	402.000	322.000	80.000
150	PP2600067707	Viên	230.000	230.000	0
151	PP2600067708	Tuýp	2.460	460	2.000
152	PP2600067709	Chai	830	230	600
153	PP2600067710	Chai/Lọ/Ổng	3.450	3.450	0
154	PP2600067711	Chai/Lọ/Ổng	10.900	6.900	4.000
155	PP2600067712	Chai/Lọ/Ổng	7.450	3.450	4.000
156	PP2600067713	tuýp	690	690	0
157	PP2600067714	Tuýp	2.750	1.150	1.600
158	PP2600067715	Gói	3.150	1.150	2.000
159	PP2600067716	Viên	10.900	6.900	4.000
160	PP2600067717	Chai/Túi	92	92	0
161	PP2600067718	Chai/Lọ/Ổng	16.500	16.100	400
162	PP2600067719	Chai/Túi	3.260	460	2.800
163	PP2600067720	Chai/Lọ/Ổng	8.750	5.750	3.000
164	PP2600067721	Chai/Lọ/Ổng	2.300	2.300	0
165	PP2600067722	Lọ	7.150	1.150	6.000
166	PP2600067723	Chai/Lọ/Ổng	14.050	8.050	6.000
167	PP2600067724	Chai/Lọ/Ổng	890	690	200
168	PP2600067725	Chai/Lọ/Ổng	1.150	1.150	0
169	PP2600067726	Ổng	7.150	1.150	6.000
170	PP2600067727	Chai/Túi	23	23	0
171	PP2600067728	Chai/Lọ/Ổng	230	230	0
172	PP2600067729	Tuýp	1.690	690	1.000
173	PP2600067730	Tuýp	3.150	1.150	2.000
174	PP2600067731	Viên	290.000	230.000	60.000
175	PP2600067732	Viên	615.000	575.000	40.000
176	PP2600067733	Viên	615.000	575.000	40.000
177	PP2600067734	Viên	460.000	460.000	0
178	PP2600067735	Viên	135.000	115.000	20.000
179	PP2600067736	Viên	135.000	115.000	20.000
180	PP2600067737	Chai/Lọ/Ổng	1.290	690	600
181	PP2600067738	Viên	92.000	92.000	0
182	PP2600067739	Viên	345.000	345.000	0
183	PP2600067740	Viên	26.900	6.900	20.000
184	PP2600067741	Viên	215.000	115.000	100.000

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
185	PP2600067742	Viên	86.000	46.000	40.000
186	PP2600067743	Gói	7.750	5.750	2.000
187	PP2600067744	Viên	4.600	4.600	0
188	PP2600067745	Viên	33.000	23.000	10.000
189	PP2600067746	Viên	460.000	460.000	0
190	PP2600067747	Chai/Lọ/Ống	690	690	
191	PP2600067748	Viên	745.000	345.000	400.000
192	PP2600067749	Chai/Lọ/Ống	46.000	46.000	0
193	PP2600067750	Viên	43.000	23.000	20.000
194	PP2600067751	Viên	3.650.000	3.450.000	200.000
195	PP2600067752	Viên	230.000	230.000	0
196	PP2600067753	Ống	1.150	1.150	0
197	PP2600067754	Chai/Lọ/Ống	1.150	1.150	0
198	PP2600067755	Chai/Lọ/Ống	46	46	0
199	PP2600067756	Chai/Lọ/Ống	690	690	0
200	PP2600067757	Chai/Lọ/Túi	9.000	4.600	4.400
201	PP2600067758	Viên	83.000	23.000	60.000
202	PP2600067759	Lọ	3.300	2.300	1.000
203	PP2600067760	Viên	379.500	379.500	0
204	PP2600067761	Viên	2.300	2.300	0
205	PP2600067762	Viên	9.000	4.600	4.400
206	PP2600067763	Viên	6.900	6.900	0
207	PP2600067764	Viên	106.000	46.000	60.000
208	PP2600067765	Viên	126.000	46.000	80.000
209	PP2600067766	Viên	545.000	345.000	200.000
210	PP2600067767	Viên	310.000	230.000	80.000
211	PP2600067768	Viên	890.000	690.000	200.000
212	PP2600067769	Chai/Túi	9.200	9.200	0
213	PP2600067770	Viên	398.000	368.000	30.000
214	PP2600067771	Viên	460.000	460.000	0
215	PP2600067772	Viên	250.000	230.000	20.000
216	PP2600067773	Viên	270.000	230.000	40.000
217	PP2600067774	Viên	22.400	18.400	4.000
218	PP2600067775	Viên	189.000	69.000	120.000
219	PP2600067776	Viên	46.000	46.000	0
220	PP2600067777	Chai/Lọ/Ống	2.500	2.300	200
221	PP2600067778	Tuýp	4.450	3.450	1.000
222	PP2600067779	Viên	960.000	920.000	40.000
223	PP2600067780	Viên	500.000	460.000	40.000
224	PP2600067781	Viên	270.000	230.000	40.000
225	PP2600067782	Viên	270.000	230.000	40.000
226	PP2600067783	Viên	11.500	11.500	0
227	PP2600067784	Viên	46.000	46.000	0
228	PP2600067785	Tuýp	1.750	1.150	600
229	PP2600067786	Tuýp	2.670	2.070	600
230	PP2600067787	Chai/Lọ/Ống	1.450	1.150	300
231	PP2600067788	Viên	18.100	6.900	11.200
232	PP2600067789	Tuýp	19.200	9.200	10.000
233	PP2600067790	Chai/Lọ/Ống	460	460	0
234	PP2600067791	Viên	5.150	1.150	4.000
235	PP2600067792	Chai/Lọ/Ống	1.250	1.150	100
236	PP2600067793	Chai/Lọ/Ống	1.350	1.150	200

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
237	PP2600067794	Chai/Lọ/Ống	4.300	2.300	2.000
238	PP2600067795	Chai/Lọ/Ống	10.200	9.200	1.000
239	PP2600067796	Chai/Lọ/Ống	23.500	11.500	12.000
240	PP2600067797	Viên	43.000	23.000	20.000
241	PP2600067798	Viên	135.000	115.000	20.000
242	PP2600067799	Viên	66.000	46.000	20.000
243	PP2600067800	Viên	23.000	23.000	0
244	PP2600067801	Viên	43.000	23.000	20.000
245	PP2600067802	Ống	2.700	2.300	400
246	PP2600067803	Hộp 5 vi x 20 viên	770.000	690.000	80.000
247	PP2600067804	Viên	515.000	115.000	400.000
248	PP2600067805	Chai/Lọ/Ống	230	230	0
249	PP2600067806	Tuýp	16.200	13.800	2.400
250	PP2600067807	Viên	500.000	460.000	40.000
251	PP2600067808	Viên	270.000	230.000	40.000
252	PP2600067809	Viên	115.000	115.000	0
253	PP2600067810	Viên	710.000	690.000	20.000
254	PP2600067811	Viên	575.000	575.000	0
255	PP2600067812	Chai	135	115	20
256	PP2600067813	Viên	215.000	115.000	100.000
257	PP2600067814	Viên	46.000	46.000	0
258	PP2600067815	Viên	930.000	690.000	240.000
259	PP2600067816	Viên	175.000	115.000	60.000
260	PP2600067817	Viên	2.300	2.300	0
261	PP2600067818	Viên	8.600	4.600	4.000
262	PP2600067819	Viên	178.000	138.000	40.000
263	PP2600067820	Viên	8.600	4.600	4.000
264	PP2600067821	Viên	47.000	23.000	24.000
265	PP2600067822	Viên	30.000	0	30.000
266	PP2600067823	Viên	20.000	0	20.000
267	PP2600067824	Tuýp	400	0	400
268	PP2600067825	Tuýp	500	0	500
269	PP2600067826	tuýp	400	0	400
270	PP2600067827	tuýp	400	0	400
271	PP2600067828	tuýp	1.200	0	1.200
272	PP2600067829	Viên	10.000	0	10.000
273	PP2600067830	Ống/Gói	20.000	0	20.000
274	PP2600067831	Viên	20.000	0	20.000
275	PP2600067832	Viên	10.000	0	10.000
276	PP2600067833	Ống	20.000	0	20.000
277	PP2600067834	Tuýp	2.000	0	2.000
278	PP2600067835	Lọ	200	0	200
279	PP2600067836	Viên	360.000	0	360.000
280	PP2600067837	Ống	20.000	0	20.000
281	PP2600067838	Viên	2.000	0	2.000
282	PP2600067839	Viên	10.000	0	10.000
283	PP2600067840	Lọ	300	0	300
284	PP2600067841	Lọ	600	0	600
285	PP2600067842	Viên	10.000	0	10.000
286	PP2600067843	Viên	40.000	0	40.000
287	PP2600067844	Viên	20.000	0	20.000

Stt	Mã phân/lô	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng bệnh viện	Số lượng nhà thuốc bệnh viện
288	PP2600067845	Viên	60.000	0	60.000
289	PP2600067846	Chai	1.000	0	1.000
290	PP2600067847	Viên	12.000	0	12.000
291	PP2600067848	Viên	40.000	0	40.000
292	PP2600067849	Viên	80.000	0	80.000
293	PP2600067850	Viên	20.000	0	20.000
294	PP2600067851	Viên	60.000	0	60.000
295	PP2600067852	Viên	260.000	0	260.000
296	PP2600067853	Viên	20.000	0	20.000
297	PP2600067854	tuýp	600	0	600
298	PP2600067855	Viên	40.000	0	40.000
299	PP2600067856	Viên	800	0	800
300	PP2600067857	Viên	300.000	0	300.000
301	PP2600067858	Tuýp	20.000	0	20.000
302	PP2600067859	Viên	200.000	0	200.000
303	PP2600067860	Ống/Gói	20.000	0	20.000
304	PP2600067861	Viên	60.000	0	60.000
305	PP2600067862	Viên	10.000	0	10.000
306	PP2600067863	Viên	20.000	0	20.000
307	PP2600067864	Viên	4.000	0	4.000
308	PP2600067865	Viên	4.000	0	4.000
309	PP2600067866	Gói	2.000	0	2.000
310	PP2600067867	Viên	6.000	0	6.000
311	PP2600067868	Viên	6.000	0	6.000
312	PP2600067869	Viên	40.000	0	40.000
313	PP2600067870	Viên	172.800	0	172.800
314	PP2600067871	Viên	60.000	0	60.000
315	PP2600067872	Viên	10.000	0	10.000
316	PP2600067873	Viên	80.000	0	80.000
317	PP2600067874	Ống	60.000	0	60.000
318	PP2600067875	Ống	60.000	0	60.000
319	PP2600067876	Viên	160.000	0	160.000
320	PP2600067877	Viên	160.000	0	160.000
321	PP2600067878	Gói	8.000	0	8.000
322	PP2600067879	Viên	10.000	0	10.000
323	PP2600067880	Viên	11.200	0	11.200
324	PP2600067881	Viên	11.200	0	11.200
325	PP2600067882	Chai	300	0	300
326	PP2600067883	Viên	18.000	0	18.000
327	PP2600067884	Viên	80.000	0	80.000
328	PP2600067885	Viên	20.000	0	20.000
329	PP2600067886	Viên	40.000	0	40.000
330	PP2600067887	Viên	20.000	0	20.000
331	PP2600067888	Tuýp	1.000	0	1.000
332	PP2600067889	Lọ	100	0	100
333	PP2600067890	Viên	20.000	0	20.000
334	PP2600067891	Viên	100.000	0	100.000
335	PP2600067892	Viên	40.000	0	40.000
336	PP2600067893	Viên	200.000	0	200.000
337	PP2600067894	Viên	4.000	0	4.000
338	PP2600067895	Viên	40.000	0	40.000

2. Tiến độ cung cấp

2.1. Tiến độ yêu cầu cung cấp thuốc được thực hiện theo nguyên tắc

- Định kỳ theo kế hoạch sử dụng thuốc hàng tháng: thuốc được cung cấp trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
- Trong trường hợp khẩn cấp: thuốc được cung cấp sớm nhất có thể, nhưng không quá 24 giờ, kể từ khi nhận được thông báo trường hợp khẩn cấp.

2.2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Tâm thần – Da liễu – Mắt Sóc Trăng

- Địa chỉ: Số 504 đường Lê Hồng Phong, Khu vực 19, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại: 02993614648

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Thông tin chung: căn cứ thông tin công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật căn cứ Mẫu số 00 Chương IV (webform trên Hệ thống)
- Đối với thuốc dự thầu (trừ thuốc viên hoàn cứng) có quy cách đóng gói lớn hơn 200 đơn vị đóng gói nhỏ nhất, nhà thầu cam kết cung cấp dụng cụ đóng gói với số lượng 10 đơn vị đóng gói nhỏ nhất, với đầy đủ thông tin gồm: Tên cơ sở sản xuất; Tên thuốc; tên hoạt chất; nồng độ, hàm lượng; số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu; lô sản xuất; hạn dùng

2.3. Các yêu cầu khác

- Thuốc dự thầu đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển theo quy định của pháp luật.
- Thuốc dự thầu đáp ứng các yêu cầu các điều kiện khí hậu tại nơi thuốc được sử dụng.
- Nhà thầu đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành: không yêu cầu